

Bản án số: 183/2022/HC-PT
Ngày 16 - 3 - 2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công Cao Đình K vụ án hành chính thụ lý số 343/2021/TLPT-HC ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 341/2022/QĐPT-HC ngày 01 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Cao Đình K, sinh năm 1959 (có mặt);

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: 6XX/5X đường 30/4, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố V;

2. Chủ tịch UBND thành phố V.

Cùng địa chỉ: số 89 L, Phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Vũ T – Quyền Chủ tịch UBND thành phố V (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Hoàng Thị Thanh N – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường (có mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Địa chỉ: Số 01 P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Phan Văn M - Phó giám đốc Sở T tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).
2. Bà Phạm Ngọc Y – Chuyên viên Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở T (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Cao Đình K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày: Ngày 31-8-2018, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 6593/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông (bà) Cao Đình K – Trần Thị H, địa chỉ số 6xx/5x đường 30/4, phường R, thành phố V do Nhà nước thu hồi phần đất nhận chuyển nhượng từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam thuộc dự án Khu đô thị đường 3/2, Phường 10, Phường 11, thành phố Vũng Tàu. Quyết định thu hồi và bồi thường 2.015m² đất nông nghiệp vị trí 5, đường loại 3 – đường 3/2 với đơn giá 1.333.000 đồng/m².

Không đồng ý, ông Cao Đình K bà Trần Thị H khiếu nại. Ngày 05-7-2019, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3126/QĐ-UBND, với nội dung: “*Bác nội dung đơn khiếu nại của ông (bà) Cao Đình K - Trần Thị H yêu cầu bồi thường 2.015m² đất nông nghiệp theo giá thị trường; bồi thường 300m² theo giá đất ở trong 2.015m² đất nông nghiệp bị thu hồi và giao 01 lô đất tái định cư*”.

Ông Cao Đình K tiếp tục khiếu nại. Ngày 27/4/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1018/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai, theo đó: Bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Cao Đình K; Giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu số 3126/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V”.

Ngày 06/7/2020 ông Cao Đình K bà Trần Thị H khởi kiện tại tòa án: Ông Cao Đình K cho rằng việc xác định giá bồi thường là quá thấp, không phù hợp với giá thị trường, ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của ông Cao Đình K, ông Cao Đình K cũng không được cấp đất tái định cư. Nay, ông Cao Đình K, bà Trần Thị H yêu cầu: Tuyên huỷ các quyết định số 6593/QĐ-UBND ngày 31-8-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V; quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 05-7-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 27-4-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- *Người bị kiện UBND thành phố V, Chủ tịch UBND thành phố V, Chủ tịch UBND tỉnh B có văn bản ý kiến trình bày:*

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Diện tích 2.015 m² đất ông (bà) Cao Đình K - Trần Thị H đang khiếu nại thuộc thửa số 52, Tờ bản đồ số 48, Bản đồ địa chính Phường 11, thành phố Vũng Tàu có nguồn gốc do gia đình ông Dốt khai phá năm 1980. Năm 1991, ông Dốt chuyển nhượng cho bà Trần Thị H sử dụng. Năm 1993

bà Trần Thị H kê khai đăng ký đất tại sổ Mục kê phường 11 thuộc thửa số 52, Tờ bản đồ số 48, Bản đồ địa chính Phường 11, với diện tích 2.459 m² đất, loại đất "Đm".

Ngày 01-8-1997, Hội đồng xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Phường 11 lập Biên bản họp xét nhất trí đề xuất đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 2.459 m² thuộc thửa số 52, Tờ bản đồ số 48, Bản đồ địa chính Phường 11, thành phố Vũng Tàu cho ông (bà) Cao Đình K - Trần Thị H.

Ngày 30-3-1998, tại trích Biên bản họp Hội đồng xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Phường 11, nhất trí đề xuất đủ điều kiện bồi thường diện tích 444 m² thuộc một phần thuộc thửa số 52, Tờ bản đồ số 48, Bản đồ địa chính Phường 11 giao cho Công ty TNHH Minh Phụng.

Quá trình thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường:

Ngày 02-5-1998, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 978/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù và trợ cấp cho 34 hộ thuộc khu vực Phường 10, Phường 11, thành phố Vũng Tàu phải giải tỏa, giao đất cho Công ty TNHH Minh Phụng sử dụng để thanh toán số tiền trả cho Công ty TNHH Minh Phụng đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đợt 7), trong đó có diện tích đất thu hồi, bồi thường cho hộ ông (bà) Cao Đình K - Trần Thị H diện tích 444 m² đất nông nghiệp, phần diện tích còn lại của hộ ông (bà) Cao Đình K - Trần Thị H 2.015 m² (2.459 m² - 444 m²).

Ngày 19-10-2016, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2874/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để làm dự án: Khu đô thị đường 3/2, Phường 10, Phường 11, thành phố Vũng Tàu.

Ngày 31-8-2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6593/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông (bà) Cao Đình K - Trần Thị H, địa chỉ số 6xx/5x, đường 30/4, phường R, thành phố V do Nhà nước thu hồi phần đất nhận chuyển nhượng từ Ngân hàng Công thương Việt Nam thuộc dự án: Khu đô thị đường 3/2, Phường 10, Phường 11, thành phố Vũng Tàu. Tại Quyết định này diện tích đất của ông Cao Đình K bị Nhà nước thu hồi được bồi thường là 2.015m² đất nông nghiệp vị trí 5, đường loại 3 – đường 3/2 với đơn giá 1.333.000 đồng/m² là đúng theo giá khảo sát phê duyệt tại Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 19-10-2016 của UBND Tỉnh.

Như vậy, UBND thành phố V đã bồi thường đất thu hồi cho ông Cao Đình K theo giá khảo sát thị trường. Do đó, nội dung khiếu nại, yêu cầu của ông Cao Đình K là không có cơ sở.

Về nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường diện tích 300m² đất ở nằm trong diện tích 2.015m² đất bị thu hồi: Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và điểm a khoản 1 Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, quy định: "1. Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng".

Hiện trạng diện tích 2.015m² đất nông nghiệp bị thu hồi không có nhà, có hoa

màu, cây trái và tại sổ Mục kê năm 1993, Phường 11 diện tích bà Trần Thị H kê khai đăng ký 2.459 m², thuộc thửa số 52, Tờ bản đồ số 48, Bản đồ địa chính Phường 11, loại đất "Đm". Do đó, trường hợp hộ ông Cao Đình K không đủ điều kiện đền bù 300m² đất ở nằm trong diện tích 2.015m² đất bị thu hồi là đúng quy định.

Về nội dung khiếu nại yêu cầu giao 01 lô đất tái định cư: Căn điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013, quy định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: "*c. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở*";

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 6, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: "*a. Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư*";

Căn cứ khoản 2 Điều 5, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 của UBND Tỉnh, quy định: "*2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi nhà nước thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở (dưới 40 m²) mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư theo nguyên tắc tổng diện tích đất ở hoặc nhà ở tái định cư được bồi thường không lớn hơn diện tích đất ở thu hồi*".

Hiện trạng diện tích 2.015m² đất nông nghiệp bị thu hồi không có nhà ở, không có đất ở, căn cứ các quy định trên hộ ông Cao Đình K không đủ điều kiện giao đất tái định cư. Nay, ông Cao Đình K yêu cầu giao 01 lô đất tái định cư là không có cơ sở pháp lý để giải quyết.

Người khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Đình K, bà Trần Thị H.

Tại Bản án số 18/2021/HC-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 83 Luật Đất Đai; khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Căn cứ khoản 1 Điều 25; khoản 2 Điều 5 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 của UBND tỉnh B; Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Đình K, bà Trần Thị H yêu cầu hủy các quyết định hành chính: Quyết định số 6593/QĐ-UBND ngày 31-8-2018

của UBND thành phố V; Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 05-7-2019 của Chủ tịch UBND thành phố V; Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 27-4-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 người khởi kiện ông Cao Đình K kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo ông Cao Đình K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Lý do: có phần đất bị thu hồi phần đất liền kề đất của Ông thì được bồi thường với giá 2.507.000 đồng; Hơn nữa sau khi thu hồi đất thì phần đất của Ông đã tổ chức bán đấu giá và ông Trần Quý Thanh đã trúng với giá 21.694.612 đồng/m².

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2]. Xét về tính hợp pháp và tính có căn cứ của các Quyết định bị khởi kiện số 6593/QĐ-UBND ngày 31-8-2018 của UBND thành phố V, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3126/QĐ-UBND ngày 05-7-2019 của Chủ tịch UBND thành phố V, Quyết định số 1018/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai ngày 27-4-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B thấy rằng:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện đều phù hợp với quy định pháp luật. Đồng thời đều là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3]. Xét lý do yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Cao Đình K, thấy rằng:

[3.1]. Về giá đất bồi thường:

Ngày 31-8-2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6593/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.015m² đất nông nghiệp của hộ ông (bà) Cao Đình K - Trần Thị H tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu để thực hiện dự án Khu đô thị đường 3/2, Phường

10, Phường 11, thành phố Vũng Tàu.

Theo Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 19-10-2016 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để làm dự án Khu đô thị đường 3/2, Phường 10, Phường 11, thành phố Vũng Tàu thì diện tích 2.015m² đất nông nghiệp thu hồi của ông Cao Đình K, bà Trần Thị H nằm ở vị trí 5, đường loại 3 – đường 3/2 với đơn giá 1.333.000 đồng/m².

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật đất đai 2013 thì nguyên tắc bồi thường về đất là: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*.

Do đất của ông Cao Đình K bị thu hồi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được bồi thường theo hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp. Phía bị kiện UBND thành phố V đã tiến hành khảo sát giá đất trên thị trường, qua kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn là Sở Tài Chính cùng Sở Tài nguyên và Môi trường để áp giá bồi thường cho hộ ông Cao Đình K, bà Trần Thị H là phù hợp với loại đất và thời điểm thu hồi đất; ông Cao Đình K kháng cáo đề nghị khảo sát áp giá thị trường 2.507.000 đồng và 21.694.612 đồng/m² nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không có cơ sở để Hội đồng cấp phúc thẩm xem xét.

[3.2] Về kháng cáo yêu cầu bồi thường diện tích 300m² đất ở trong diện tích đất bị thu hồi, thấy rằng:

Tại phiên tòa hôm nay, ông Cao Đình K cho rằng trong phần diện tích đất bị thu hồi có 300m² đất ở và có xuất trình biên lai thu thuế năm 1991; Tuy nhiên, Biên lai thu thuế chỉ thể hiện tiền thuế sử dụng đất do người sử dụng đất tự kê khai, không phải là căn cứ pháp lý để Nhà nước công nhận là đất ở như ông Cao Đình K trình bày; Ông Cao Đình K cũng thừa nhận là hiện tại không có ở trên đất. Do diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp, không có nhà, hoa màu trên đất nên UBND thành phố V bồi thường diện tích 2.015m² đất nông nghiệp là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông Cao Đình K là phù hợp.

[3.3] Về kháng cáo yêu cầu giao 01 lô đất tái định cư:

Tại điểm c khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai 2013, quy định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: *“c. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở”*;

Theo khoản 2 Điều 5 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND Tỉnh, quy định:

“2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi nhà nước thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở (dưới 40 m²) mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư theo nguyên tắc tổng diện tích đất ở hoặc nhà ở tái định cư được bồi thường không lớn hơn diện tích đất ở thu hồi”.

Như vậy, hiện trạng phần đất bị thu hồi của hộ ông Cao Đình K, bà Trần Thị H là đất nông nghiệp, không có nhà ở trên đất; ông Cao Đình K, bà Trần Thị H cũng xác định có nhà chỗ khác nên không đủ điều kiện hỗ trợ đất tái định cư là đúng quy định.

[4]. Từ những phân tích và nhận định trên, thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Cao Đình K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do ông Cao Đình K là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Cao Đình K. Giữ nguyên quyết định bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Đình K, bà Trần Thị H yêu cầu hủy các quyết định hành chính: Quyết định số 6593/QĐ-UBND ngày 31-8-2018 của UBND thành phố V; Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 05-7-2019 của Chủ tịch UBND thành phố V; Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 27-4-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Cao Đình K được miễn.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (1);
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1);
- Cục THADS Bà Rịa - Vũng Tàu (1);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, 18b, (PMT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết